

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v “Xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Bà Thái Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị L** – sinh năm 1981

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn Li, huyện Tu, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông **Lê Thanh Tu** – sinh năm 1981

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Li, huyện Tu, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: bà và ông Lê Thanh Tu xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 trên cơ sở tự

nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà có đến UBND thị trấn Li để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng sống tại nhà anh chồng được vài tháng thì vợ chồng vào thành phố H làm.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì ông Tu muốn về lại thị trấn Li làm, bà và các con ở lại thành phố, lâu lâu có về Li thăm bà con. Trong thời gian này thì bà nghe mọi người nói ông Tu có quan hệ với người phụ nữ khác, thấy vậy nên năm 2010 bà và các con về lại Li để vợ chồng đoàn tụ nhưng lúc này ông Tu đã sống cùng người phụ nữ đó nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ đó vợ chồng không còn sống chung. Vợ chồng chưa có nhà, bà và các con thì ở nhờ nhà chị bà, ông Tu thì ở với người phụ nữ đó và đã có con riêng. Bà có thông báo cho ông Tu đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng ông Tu không đến Tòa mà nói bà tự làm gì thì làm.

Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Thanh Tu.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Lê Thanh K – sinh ngày 10/5/2004 và Lê Yến Trân Tr – sinh ngày 13/01/2008 hiện nay các con đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh Tu đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong triệu tập hợp L nhiều lần nhưng ông Tu hiện không có mặt tại địa phương cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/7/2019 và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Lê Thanh Tu có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn Li, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông Tu đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Lê Thanh Tu, do ông Tu vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Lê Thanh Tu được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Li, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân này được pháp luật công nhận.

Quá trình sống chung do ông Lê Thanh Tu có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chấm dứt quan hệ từ năm 2010 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Tu không còn mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Lê Thanh Tu.

[3] Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Lê Thanh K – sinh ngày 10/5/2004 và Lê Yến Trân Tr – sinh ngày 13/01/2008 hiện nay các con đang ở với bà L, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của cháu K và cháu Tr thì nguyện vọng của các cháu là được ở với mẹ và Hội đồng xét xử nhận thấy bà L đã nuôi dưỡng 02 con từ khi ông Tu và bà không sống chung mà vẫn đảm bảo sự phát triển đầy đủ của các con nên giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về L phí Tòa án thì bà L là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về L phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Thanh Tu.

3/ Về con chung: giao cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Lê Thanh K – sinh ngày 10/5/2004 và Lê Yến Trân Tr – sinh ngày 13/01/2008 đến khi trưởng thành, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà L không được cản trở ông Tu việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0025893 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà L đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND tt Li;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Nữ Kiều Oanh